

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2019/DS-PT

Ngày: 29 - 01 - 2019

V/v “Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thu Từ và bà Thái Thị Hồng Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Đồng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 66/2018/TLPT-DS ngày 20 tháng 9 năm 2018 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 02/2018/DS-ST ngày 18 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 84/2018/QĐXXPT-DS, ngày 11 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần T L, sinh năm 1982. Làm đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Bản C, xã H, huyện Q, tỉnh N.

2. Bị đơn: Anh Phan T, sinh năm 1972. Có mặt.

Địa chỉ: Bản K, xã S, huyện Q, tỉnh N.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Công ty LM. Vắng mặt.

Địa chỉ theo hợp đồng hợp tác với bị đơn: Số A, Đường M, phường P, Thành phố B, tỉnh G. Địa chỉ theo đăng ký kinh doanh: N24, đường V, phường I, thành phố B, tỉnh G.

Người đại diện hợp pháp của Công ty: Ông Nguyễn V, Chức vụ: Tổng giám đốc. Vắng mặt.

ĐKHKT: Thôn 1, xã Y, huyện L, tỉnh G. Vắng mặt.

- Anh Trần C, sinh năm 1989. Vắng mặt.

Địa chỉ: Xóm 16, xã X, huyện Y, tỉnh N.

4. *Người kháng cáo:* Chị Trần T L, bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, vụ án có nội dung tóm tắt như sau:

Nguyên đơn là chị Trần T L trình bày: Từ tháng 4 đến tháng 8/2014 chị thỏa thuận miệng với anh Phan T mua thuốc thực phẩm chức năng, gồm các sản phẩm: Trà thải độc gan, Cao Hồng Sâm, Angiol chữa nám da, rối loạn nội tiết phụ nữ do Công ty LM bán; chị và anh T đã giao dịch tổng cộng 03 (ba) lần, hai lần đầu đã thực hiện xong theo thỏa thuận.

Lần thứ ba, chị đặt tiền mua 27 gói hàng, gồm: 20 gói Cao Hồng Sâm, 02 gói trà thải độc gan, 05 gói Angiol, mỗi gói hàng trị giá 8.450.000 đồng (tám triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng), tổng cộng số tiền 27 gói hàng là 228.150.000 đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng); ngày 18/8/2014 chị đã giao số tiền 228.150.000 đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) cho anh Phan T nhận và trực tiếp viết “Phiếu thu tiền” giao cho chị. Sau khi nhận tiền, anh T không giao hàng theo thỏa thuận, chị đã nhiều lần yêu cầu giao hàng nhưng anh T không thực hiện. Ngày 08/8/2016 anh T đã viết giấy cam kết với nội dung: “*Ngày 18/8/2014 tôi có nhận số tiền 228.150.000 đồng của chị Trần T L, tôi đã nạp số tiền đó vào công ty và nhận hàng, nay còn thiếu 27 gói hàng. Tôi cam kết trong ngày 10/8/2016 sẽ trả lại hóa đơn lấy hàng cho chị L. Nếu hết thời hạn trên tôi không trả số hàng trên, tôi xin chịu trách nhiệm trả lại tiền cho chị L*” nhưng anh T vẫn không thực hiện như đã cam kết nên chị làm đơn khởi kiện yêu cầu anh Phan T phải trả lại cho chị số tiền: 228.150.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bị đơn là anh Phan T trình bày: Anh không thừa nhận việc cá nhân anh tự thỏa thuận xác lập hợp đồng miệng với chị Trần T L, anh chỉ thừa nhận vào ngày 18/8/2014 có nhận số tiền 228.150.000 đồng để đăng ký mua giúp 27 gói hàng thực phẩm chức năng, khi mua chị L nhờ đăng ký mua 20 gói hàng mang tên Trần C, 01 gói hàng mang tên Trần Đ, 01 gói hàng mang tên Phan U và 05 gói hàng mang tên chị L. Sau khi nhận tiền, anh đã chuyển tiền thông qua Ngân hàng AGRIBANK - Chi nhánh huyện Q cho anh Nguyễn D, nhân viên Chi nhánh Công ty LM tại thành phố E, đơn hàng được Công ty chấp nhận và đăng lên Website của Công ty. Sau đó, Công ty đã chuyển hàng về tại Chi nhánh thành phố E, anh đã thông báo cho chị L biết để xuống nhận hàng và Công ty đã chi trả quyền lợi (hoa hồng) cho chị L tương đương với số lượng 27 gói hàng đã đăng ký

mua; số tiền hoa hồng của 20 gói hàng mang tên Trần C là 22.000.000đ (hai mươi hai triệu đồng), theo anh thì Công ty chỉ trả thông qua chuyển khoản vào số tài khoản của Trần C, số tiền hoa hồng của 07 gói hàng còn lại chị L đã nhận trực tiếp tại Chi nhánh Công ty tại thành phố E do chị Nguyễn J chi trả.

Anh T thừa nhận có viết giấy cam kết vào ngày 08/8/2016 xác nhận việc đã nhận tiền với chị L, cam kết thời gian giao trả các gói hàng vào ngày 10/8/2016 và chịu trách nhiệm về việc trả hàng của Công ty cho chị L và anh đã liên hệ với Công ty, hẹn chị L ngày 10/8/2016 về Văn phòng Chi nhánh của Công ty tại địa chỉ số 21-23, Đại lộ 2, thành phố E, tỉnh Nghệ An để nhận hàng nhưng đến ngày hẹn chị L không chịu đến nhận các gói hàng đã mua mà chỉ yêu cầu trả lại tiền nên anh đã ký gửi số gói hàng của chị L tại Chi nhánh Công ty với Kế toán và thông báo cho chị L sắp xếp đến nhận hàng và đó là trách nhiệm của chị L. Do đó, chị Trần T L yêu cầu anh trả lại số tiền 228.150.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) anh không đồng ý.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án là Công ty LM và người đại diện của Công ty; trong suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm đã được Tòa án triệu tập làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ hoà giải, tham gia phiên tòa họp lệ nhưng vẫn vắng mặt nên không có lời trình bày, bản khai tại hồ sơ.

Với nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An đã quyết định:

Căn cứ các Điều 428; 429 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; 227; 228; 273; 280 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; khoản 1 Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần T L về việc yêu cầu buộc bị đơn anh Phan T trả lại tiền đặt mua các gói hàng thực phẩm chức năng là: 228.150.000 đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

Bản án còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, quyền kháng cáo cho các đương sự theo luật định.

Ngày 29/5/2018, chị Trần T L kháng cáo với nội dung: Không đồng ý với toàn bộ bản án, yêu cầu cấp phúc thẩm xét xử lại, buộc anh Phan T trả lại số tiền 228.150.000 đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng) với lý do chị chỉ giao dịch mua hàng của anh T, không giao dịch mua hàng với Công ty LM và khi anh T mua bán hàng với chị thì anh T không phải là nhân viên bán hàng của Công ty LM, anh T đã nhận tiền, không giao hàng thì phải trả lại tiền cho chị.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Trần T L vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, đồng thời đề nghị xem xét việc anh Phan T và những người tham gia bán hàng cho chị có dấu hiệu lừa đảo. Anh Phan T có mặt, đề nghị xử không chấp nhận kháng cáo của chị Trần T L.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa phúc thẩm phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng, Tòa án cấp phúc thẩm đã thụ lý, xét xử vụ án đúng quy định; Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa phúc thẩm. Đối với đương sự, từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự thực hiện đúng các quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Do cấp sơ thẩm xác định sai tư cách tố tụng, không triệu tập đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, điều tra xác minh chưa đầy đủ, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của chị Trần T L, áp dụng khoản 3 Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự, hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến về vụ án, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về Bộ luật áp dụng, quan hệ tranh chấp giữa chị Trần T L và anh Phan T do Tòa án thụ lý, giải quyết được thực hiện vào năm 2014 nên áp dụng Bộ luật dân sự năm 2005 để xem xét, giải quyết. Về trình tự, thủ tục tố tụng áp dụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về quyền kháng cáo, chị Trần T L là nguyên đơn có quyền kháng cáo, đơn kháng cáo có đầy đủ nội dung, được làm trong thời hạn luật định và đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm theo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273, 276 Bộ luật tố tụng dân sự nên được chấp nhận, xem xét, giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

Về sự có mặt của các đương sự, tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn là chị Trần T L vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt; những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai; căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của chị Trần T L; căn cứ tài liệu, chứng cứ do các bên cung cấp, do Tòa án cấp sơ thẩm, phúc thẩm xác minh, thu thập được có tại hồ sơ nhận thấy:

Anh Phan T là cộng tác viên bán hàng của Công ty LM (căn cứ Hợp đồng cộng tác viên số 03 ký ngày 25/4/2014) nên anh T có giới thiệu cho chị L tham gia mua bán hàng của Công ty LM 03 lần; 02 lần mua bán trước chị L đã được nhận hàng đầy đủ. Lần thứ 03, ngày 18/4/2018 chị L giao cho anh T nhận số tiền 228.150.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng), anh T viết phiếu thu có đóng dấu treo mang tên của Công ty LM giao cho chị L giữ, mục đích là để đặt mua 27 gói hàng là sản phẩm chức năng, gồm: 20 gói Cao Hồng Sâm, 02 gói trà thảo độc gan, 05 gói Angiol, mỗi gói hàng trị giá 8.450.000đ. Để thực hiện việc mua hàng, chị L nhờ anh T đăng ký mua 20 gói hàng mang tên Trần C, 01 gói hàng mang tên Trần Đ, 01 gói hàng mang tên Phan U, 05 gói hàng mang tên chị Trần T L; các thông tin của người mua hàng do chị L cung cấp. Sau khi nhận tiền của chị L, anh T đã thực hiện việc chuyển tiền thông qua Ngân hàng AGRIBANK Việt Nam - Chi nhánh huyện Q cho anh Nguyễn D, nhân viên Công ty LM - Chi nhánh thành phố E nhận để đăng ký mua hàng cho chị L và đơn hàng của chị L đã được chấp nhận đăng ký giao dịch lên Website của Công ty dưới các tên: truonglanhtyphu, truongthotypfu.

Trước khi mở phiên tòa phúc thẩm, anh T xuất trình thêm tài liệu là Sổ chi lương cộng tác viên của Công ty LM - Chi nhánh thành phố E do chị Nguyễn J là nhân viên Chi nhánh thành phố E lập, thể hiện lần mua hàng thứ 03 này, vào ngày 09/7/2016 chị Trần T L đã nhận số tiền 1.760.000đ và anh Trần C đã nhận số tiền 7.910.000đ là tiền hoa hồng mua hàng do Công ty LM chuyển, việc nhận tiền này chị L thừa nhận ký vào sổ nhận tiền (lời khai của chị L tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/11/2018) và anh C thừa nhận (tại đơn trình bày do anh C gửi cho Tòa án đề ngày 06/12/2018).

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Phạm L - đại diện Chi nhánh thành phố E của Công ty LM và anh Phan T khai theo quy định của Công ty LM thì các khách hàng đăng ký mua sản phẩm, nếu được chấp nhận thì được đăng ký giao dịch lên Website của Công ty bằng tài khoản đăng ký riêng và khi đó khách hàng đặt mua sản phẩm tự mình thực hiện các thủ tục giao nhận hàng, nếu nhờ người khác nhận hàng hộ phải có giấy ủy quyền; khi chuyển hàng thì Công ty sẽ chuyển tiền hoa hồng cho khách hàng nhận, mức hoa hồng tùy theo từng đợt đặt hàng; đồng thời khi khách hàng đặt hàng đủ số lượng chỉ tiêu theo quy định của Công ty thì khách hàng trở thành cộng tác viên bán hàng của Công ty. Ngoài ra, trong quá trình tham gia mua bán hàng của Công ty LM 03 (ba) lần, chị L đã được Công ty mời tham gia hội nghị tri ân khách hàng, đã được Công ty giới thiệu các sản phẩm, giải thích trách nhiệm, nghĩa vụ và quyền lợi của khách hàng khi tham gia mua bán hàng với Công ty.

Như vậy, anh Phan T không phải là người trực tiếp mua bán hàng với chị Trần T L mà là cộng tác viên thực hiện việc bán hàng, làm các thủ tục giao dịch

đăng ký mua hàng cho chị L theo quy định của Công ty LM và anh T đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm, nghĩa vụ của một công tác viên bán hàng. Do đó, việc giao, nhận hàng theo đơn hàng đã đăng ký mua là trách nhiệm của chị Trần T L với Công ty LM nên anh Phan T không phải chịu trách nhiệm thanh toán tiền như yêu cầu khởi kiện của chị Trần T L.

Đối với ý kiến của chị Trần T L ghi kèm theo đơn xin vắng mặt tại phiên tòa phúc thẩm đề ngày 24/01/2019 cho rằng anh Phan T và những người làm cùng anh T có dấu hiệu lừa đảo là suy luận của chị L, không có căn cứ pháp luật.

Trong vụ án có anh Trần C, địa chỉ cư trú tại xóm 6, xã X, huyện Y, tỉnh N, hiện đang lao động tại thành phố K, Hàn Quốc là người được chị Trần T L đăng ký tên mua hàng nhưng anh C không tham gia vào quá trình thỏa thuận, giao dịch, đăng ký mua hàng với Công ty LM; khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án anh C đang ở Việt Nam, trực tiếp đến làm bản tự khai tại Tòa án nên đây là vụ án tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án cấp huyện theo quy định tại Điều 30, 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Nghệ An thụ lý, giải quyết sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Với các nhận định trên, cần bác toàn bộ nội dung kháng cáo của chị Trần T L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Chị Trần T L là người kháng cáo, không được chấp nhận nên phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại. Xét thấy trong vụ án này, cấp sơ thẩm chưa điều tra, thu thập làm rõ các chứng cứ, tài liệu tại Công ty LM - Chi nhánh thành phố E và do anh Phan T lưu giữ nhưng đã được cấp phúc thẩm khắc phục. Về tố tụng, mặc dù cấp sơ thẩm chưa đưa đầy đủ người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vào tham gia tố tụng trong vụ án nhưng việc khởi kiện của nguyên đơn, việc xét xử của Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, không làm thay đổi bản chất và nội dung của vụ án nên không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm để điều tra xét xử lại.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, 313 Bộ luật tố tụng dân sự. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn là chị Trần T L; giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 02/2018/DS-ST ngày 18/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Q.

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 147, 148, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự

năm 2015; các Điều 427, 428, 429 Bộ Luật dân sự năm 2005; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần T L về việc yêu cầu bị đơn là anh Phan T thanh toán số tiền 228.150.000đ (hai trăm hai mươi tám triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Trần T L phải chịu 11.407.500 đồng (mười một triệu bốn trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ số tiền 5.700.000đ (năm triệu bảy trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003695 ngày 30/11/2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An; chị Trần T L còn phải nộp tiếp 5.707.500đ (năm triệu bảy trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: Chị Trần T L phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí kháng cáo, theo Biên lai thu tiền số 0004065 ngày 30/5/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Nghệ An.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Cục THADS tỉnh Nghệ An;
- TAND huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu HSVA.

Nguyễn Tiến Dũng